

Bản án: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 7 - 2022

V/v ly hôn giữa chị T và anh T1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thiện.

2. Ông Giáp Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ, Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; hiện đang tạm trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959, vắng mặt.

2. Bà Tạ Thị H1, sinh năm 1965, vắng mặt.

Điều tại địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chỉ Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 ngày 22/6/2017, trên cơ sở giới thiệu của gia đình, nhưng hai người được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh T1, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh mâu thuẫn tháng 08/2021, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh T1 còn đánh, tát và không quan tâm đến chị, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 09/2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thúy G, sinh ngày 29/11/2017 và cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/10/2020. Hiện tại cháu G đang do anh T1 nuôi dưỡng, còn cháu K đang do chị nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu G, chị không yêu cầu về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng tự thống nhất thỏa thuận tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H bà Tạ Thị H1 là bố mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án và thông báo về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án cho vợ chồng ông bà và con trai là Nguyễn Văn T1. Ông bà đã điện thoại thông báo

ngay cho anh T1 được biết, nhưng anh T1 cương quyết không về Tòa án làm việc. Do anh xác định tình cảm không còn nên không muốn gặp chị T, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Con chung của chị T và anh T1 là cháu Nguyễn Thúy G, sinh ngày 29/11/1017 và cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/10/2020, kể từ tháng 8/2021 chị T đem cháu K về bên ngoại, cháu G do anh T1 nuôi dưỡng, anh T1 đi làm thuê hàng tháng vẫn gửi tiền cho ông bà để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G. Ông, bà là người trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng và đưa đón cháu đi học. Anh T1 đề nghị Tòa án giao cháu G cho anh nuôi dưỡng, để chị T nuôi dưỡng cháu K. Anh T1 cũng xác định vợ chồng không có tài sản công nợ chung.

Cán bộ Tòa án và cán bộ địa phương đến gia đình anh Nguyễn Văn T1 nhiều lần để giao giấy tờ và để làm việc, nhưng anh T1 đều trốn tránh không gặp và không làm việc với cán bộ Tòa án. Bà Tạ Thị H1 là mẹ đẻ anh T1 nhận giấy tờ của Tòa án và cam đoan đã giao cho anh T1 Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các giấy triệu tập của Tòa án. Bà H1 cho biết con bà anh T1 không gặp Tòa án làm việc, là không muốn ly hôn với chị T. Do anh T1 trốn tránh không làm việc, do vậy Tòa án không thể tiến hành làm việc với anh T1 được.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn T1 được ly hôn, chị đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại là giao cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/10/2020 cho chị nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thúy G, sinh ngày 29/11/2017 cho anh T1 nuôi dưỡng, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản đã tự thống nhất thỏa thuận và công nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thực hiện đầy

đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn anh Nguyễn Văn T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Tạ Thị H1 đã được Tòa án giao giấy triệu tập phiên tòa; tổng đạt quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh T1, ông H, Bà H1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T1, ông H, bà H1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 được ly hôn.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/10/2020; giao anh Nguyễn Văn T1 nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thúy G, sinh ngày 29/11/2017, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Tạ Thị H1 nhưng anh T1, ông H, bà H1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Nguyễn Thị T kết hôn anh Nguyễn Văn T1 ngày 22/6/2017 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo

phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh T1, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có hai con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh đầu năm 2020, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau và sống ly thân từ tháng 9/2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của chị Nguyễn Thị T, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/10/2020; cháu Nguyễn Thúy G, sinh ngày 29/11/2017. Tại phiên tòa chị T đề nghị giữ nguyên việc nuôi con chung như hiện tại là giao cho chị được nuôi dưỡng cháu K, giao anh T1 được nuôi dưỡng cháu G về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy đề nghị của chị T về việc giao con chung cho người nuôi dưỡng là chị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn K, giao anh T1 nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thúy G. Hiện tại cháu G đang ở cùng bố là anh Nguyễn Văn T1 và ông bà nội là ông

Nguyễn Văn H, bà Tạ Thị H1. Ông H và bà H1 xác định anh T1 vẫn gửi tiền về cho ông bà nuôi cháu G, ông bà có trách nhiệm quản lý, giáo dục cháu G khi anh T1 không có nhà. Nhận thấy chị T và anh T1 vẫn nuôi con chung đến nay ổn định, để đảm bảo quyền và lợi ích của con trẻ trong việc giao trực tiếp người nuôi dưỡng, cần giao cho chị T nuôi dưỡng cháu K, giao anh T1 nuôi dưỡng cháu G là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/10/2020 ; giao cho anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thúy G, sinh ngày 29/11/2017, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị T và anh T1 có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của chị T và anh T1.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: 0011417 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND xã Ngọc Lý;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên